

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA VANG  
TP.ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-ST

Ngày: 26/7/2018

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Phương*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Lê Đình Quảng**

**Bà Lê Thị Hồng**

***Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.***

Ngày 26/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang Tp Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2018/TLST-DS ngày 30/01/2018 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-DS ngày 14/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2018/QĐST-DS ngày 28/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Công ty X . Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà R, số 9 đường Đ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Bằng G – Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Phan Q, sinh năm 1995. Địa chỉ liên lạc: số 353 đường N, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị X , sinh năm 1968; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 7, thôn Quang Châu, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2017 của nguyên đơn; lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Phan Q có tại hồ sơ như sau:*

Ngày 02/4/2016, bà Phạm Thị X có ký Hợp đồng tín dụng số 20160402-500000-0277 với Công ty Công ty X vay số tiền 14.770.000 đồng, lãi suất 4,58%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo Hợp đồng, bà Phạm Thị X có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi là 24.648.000 đồng, trả chậm trong 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.028.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.004.000 đồng, thanh toán vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 05/5/2016. Bà Phạm Thị X đã nhận đủ

số tiền tiêu dùng cá nhân nhưng chỉ thanh toán được 3.084.000 đồng, còn lại 21.564.000 đồng chưa thanh toán. Kể từ ngày 05/7/2016 bà X không thanh toán thêm khoản nào cho Công ty Công ty X dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở.

Đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân của bà X không liên quan gì đến ông Nguyễn Văn Minh (chồng bà Xuyên) nên Công ty Công ty X chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị X trả toàn bộ khoản nợ tới hạn là 21.564.000 đồng (gồm 13.667.871 đồng nợ gốc và 7.896.129 đồng nợ lãi tính đến ngày 05/4/2018), không yêu cầu tính lãi bổ sung, lãi quá hạn do chậm trả, lãi phạt nào cả.

Bị đơn là bà Phạm Thị X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có bản tự khai. Tòa án triệu tập bà X hợp lệ phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa áp dụng Điều 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Công ty X, buộc bà Phạm Thị X phải thanh toán cho Công ty Công ty X toàn bộ khoản nợ tới hạn là 21.564.000 đồng (gồm 13.667.871 đồng nợ gốc và 7.896.129 đồng nợ lãi tính đến ngày 02/4/2018) và toàn bộ dư nợ lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành hết nghĩa vụ trả nợ. Bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: văn bản ủy quyền số 14 ngày 22/3/2017; giấy ủy quyền số 1389 ngày 06/12/2017; giấy ủy quyền số 3823 ngày 15/4/2018. Bản sao: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/4/2016 và phụ lục kèm theo; CMND Phạm Thị X; sổ hộ khẩu Nguyễn Văn M; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV; bảng kế hoạch trả nợ; lịch sử thanh toán; biên bản xác minh ngày 22/5/2018; bản tự khai.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Công ty Công ty X với bà Phạm Thị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang là đúng theo quy định tại Điều 26 và điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà Phạm Thị X vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn là bà Phạm Thị X đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2]. Về nội dung tranh chấp:**

Theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20160402-500000-0277 ngày 02/4/2016 của bà Phạm Thị X được Công ty Công ty X phê duyệt của cũng như tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thì Tòa án có cơ sở xác định:

Bà Phạm Thị X đã vay của Công ty Công ty X 14.770.000 đồng, lãi suất 4,58%/tháng để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 24 tháng, phương thức cho vay là cho vay trả góp. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà Phạm Thị X có trách nhiệm thanh toán 24.648.000 đồng (gồm 14.770.000 đồng gốc và 9.878.000 đồng lãi), trả chậm liên tiếp trong 24 tháng, trong 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.028.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.004.000 đồng, thanh toán vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 05/5/2016. Bà X đã nhận đủ 14.770.000 đồng nhưng chỉ thanh toán 03 lần với tổng số tiền là 3.084.000 đồng (gồm 1.102.129 đồng nợ gốc và 1.981.871 đồng nợ lãi). Như vậy, bà X đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 05/4/2018, tổng số tiền nợ tới hạn của bà X là 21.564.000 đồng (gồm 13.667.871 đồng nợ gốc và 7.896.129 đồng nợ lãi).

Do Công ty Công ty X xác nhận đây là khoản vay của cá nhân bà X nên chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bà X và không yêu cầu tiền lãi từ ngày 06/4/2018 cho đến ngày xét xử là ngày 26/7/2018 nên Tòa án không đề cập đến mà chỉ xem xét giải quyết đối với yêu cầu buộc bà Phạm Thị X thanh toán một lần 21.564.000 đồng (gồm 13.667.871 đồng nợ gốc và 7.896.129 đồng nợ lãi tính đến ngày 05/4/2018) cho Công ty Công ty X.

Tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Về lãi được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160402-500000-0277 ngày 02/4/2016 của bà Phạm Thị X được Công ty Công ty X phê duyệt.

Từ những nhận định trên, Tòa án căn cứ các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bà Phạm Thị X phải trả cho Công ty Công ty X số tiền 21.564.000 đồng (gồm 13.667.871 đồng nợ gốc và 7.896.129 đồng nợ lãi tính đến ngày 05/4/2018).

Đối với lãi suất khi yêu cầu thi hành án, Ngân hàng chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

**[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bị đơn bà Phạm Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là:  $21.564.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.078.200 \text{ đồng}$ . Hoàn trả lại cho Công ty Công ty X 523.281 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 6282 ngày 26/01/2018.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ vào các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Công ty Công ty X đối với bà Phạm Thị X .

3. Xử: Buộc bà Phạm Thị X phải trả cho Công ty Công ty X số tiền 21.564.000 đồng (gồm 13.667.871 đồng nợ gốc và 7.896.129 đồng nợ lãi tính đến ngày 05/4/2018).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.078.200 đồng, bà Phạm Thị X phải chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty Công ty X 523.281 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 6282 ngày 26/01/2018.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG**